

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Ngọc Thuỳ**.

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Nguyễn Mộng Cầm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Thành Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị L**, sinh năm 1987. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Thạch R**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thạch R xây dựng hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/11/2012. Thời gian chung sống được 10 năm, lúc đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan

điểm sống do anh R thường xuyên ăn nhậu không lo lắng gì đến cuộc sống gia đình và nhiều lần đánh đập chị, chị đã bỏ qua tất cả lỗi lầm mà anh R đã gây ra nhưng anh R không chịu sửa đổi tính tình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Thạch R.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Thạch Thị Như N, sinh ngày 03/11/2012 và Thạch Thiên B, sinh ngày 14/01/2015 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Thạch R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2022, bị đơn anh Thạch R trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với chị L, anh xin được đoàn tụ vì vợ chồng đang chung sống hoà thuận nhưng anh không biết vì lý do tại sao vợ anh lại khởi kiện xin ly hôn với anh.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Thạch Thị Như N, sinh ngày 03/11/2012 và Thạch Thiên B, sinh ngày 14/01/2015 anh muốn hai vợ chồng cùng nuôi.

- Về tài sản chung: Có nhà thờ cha để lại để nuôi mẹ, 03 công vườn, 03 công ruộng; một cây rươi vàng cha ruột anh cho để lấy lại đất chị 3 N. Nếu vợ anh muốn ly hôn thì anh yêu cầu vợ anh phải chi trả tài sản từ trước đến nay cho anh.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 21/6//2022, người làm chứng bà Đinh Thị N trình bày: Giữa chị L và anh R thành hôn trên cơ sở quen biết. Sau khi kết hôn thì chị L và anh R đi làm ăn ở Thành phố và mới về địa phương sinh sống khoảng nửa năm nay thì nghe vợ chồng chị L và anh R xảy ra mâu thuẫn và bỏ đi, còn mâu thuẫn gì thì bà không biết rõ nhưng thấy anh R thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, kiếm chuyện với chị L và có hành động đánh chị L. Về con chung có 02 con chung tên Thạch Thị Như N, sinh ngày 03/11/2012 và Thạch Thiên B, sinh ngày 14/01/2015 hiện đang sống chung với chị L, chị L đảm bảo đủ điều kiện nuôi 02 con chung. Về tài sản chung, nợ chung của chị L và anh R thì bà không biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình

bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị L, xử cho chị L ly hôn với anh Thạch R. Về con chung: Giao 02 con chung tên Thạch Thị Như N, sinh ngày 03/11/2012 và Thạch Thiên B, sinh ngày 14/01/2015 cho chị Thạch Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch R không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung chị L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, đối với yêu cầu của anh Thạch R ngày 13/7/2022 nộp cho Tòa án vào ngày 13/7/2022 là sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không có căn cứ để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên dành cho anh Thạch R một vụ kiện dân sự khác khi có phát sinh tranh chấp với chị Thạch Thị L. Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng chị L thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho chị L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Thạch Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Thạch R cư trú tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Thạch Thị L có đơn xin vắng mặt ngày 01/6/2022, bị đơn anh Thạch R được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà N đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản

2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Thạch Thị L và anh Thạch R thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 vào ngày 26/11/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh R là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị L và anh R theo lời trình bày của chị L cũng như người làm chứng bà N thì giữa chị L và anh R thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh R thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và có hành vi đánh đập chị L. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh R vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị L và anh R không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Thạch Thị Như N, sinh ngày 03/11/2012 và Thạch Thiên B, sinh ngày 14/01/2015 hiện đang sống trực tiếp với chị L, cuộc sống cũng đảm bảo và cháu N, cháu B có nguyện vọng sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Anh R yêu cầu cả hai vợ chồng cùng nuôi con nhưng về quan hệ hôn nhân đã giải quyết cho ly hôn thì con chung phải giao cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên không chấp nhận yêu cầu của anh R. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh R không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung:

Chị Thạch Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của anh Thạch R ngày 13/7/2022 nộp cho Tòa án vào ngày 13/7/2022 là sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không có căn cứ để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên dành cho anh Thạch R một vụ kiện dân sự khác khi có phát sinh tranh chấp với chị Thạch Thị L.

[2.4] Về nợ chung: Chị Thạch Thị L và anh Thạch R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng chị L thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho chị L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thạch Thị L. Xử cho chị L ly hôn với anh Thạch R.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Thạch Thị Như N, sinh ngày 03/11/2012 và Thạch Thiên B, sinh ngày 14/01/2015 cho chị Thạch Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch R không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thạch Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh R sẽ dành cho anh Thạch R một vụ kiện dân sự khác khi có phát sinh tranh chấp với chị Thạch Thị L.

4. Về nợ chung: Chị Thạch Thị L và anh Thạch R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị L được miễn nộp tiền án phí ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 26/11/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An